



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT  
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

**SVC SVC SVC SVC SVC S  
VC SVC SVC SVC SVC SVC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MỤC LỤC**

	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 - 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 22

10/1/2025

# CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### 1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lưu Hoàng Tân	Chủ tịch
Ông Lê Minh Thuận	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Thị Ngọc Hiền	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Hữu Chí	Thành viên
Ông Nguyễn Dương Thảo	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Minh Thuận	Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Phước Thạnh	Phó Tổng Giám đốc

*Ghi chú:* Công ty đang tiến hành cơ cấu lại thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

### 2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động đặt tại số 163 Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

### 3. Các hoạt động chính

- May trang phục, may công nghiệp;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm: Giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng gia đình bằng kim loại;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất dệt vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng đan móc;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Mua bán phụ liệu ngành dệt;
- Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế ngành dệt may;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

### 4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 22.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

**6. Đơn vị kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

**7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

  
CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI  
S.Đ. K.Đ. TP. CAO LÃNH - T. ĐỒNG THÁP

LÊ MINH THUẬN



Số: 2514/2026/BCKT/SVCNS

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG,  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được lập ngày 09 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, số kế toán của Công ty vẫn còn theo dõi khoản nợ phải trả đã được chấp nhận xoá nợ từ các năm trước của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp (trước đây là Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp) với số tiền 10.000.000.000 VND. Nếu Công ty tiến hành xử lý khoản nợ này thì chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 giảm đi số tiền là 10.000.000.000 VND và chỉ tiêu "Thu nhập khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng lên với số tiền tương ứng.

Công ty đã ghi nhận doanh thu xuất khẩu dựa theo tờ khai hải quan mà không dựa theo điều kiện giao hàng FOB cho những lô hàng xuất vào thời điểm cuối năm tài chính với số tiền là 2.136.903.756 VND. Điều này làm cho doanh thu ghi nhận chưa phù hợp niên độ với số tiền 2.136.903.756 VND, bên cạnh chi phí giá vốn tương ứng là 1.872.265.998 VND và các chi phí liên quan đến việc xuất hàng ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh. Nếu ghi nhận phù hợp thì doanh thu và các khoản chi phí liên quan đến các lô hàng xuất khẩu sẽ giảm tương ứng trên báo cáo kết quả kinh doanh, đồng thời ảnh hưởng đến các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính. Với những tài liệu hiện có chúng tôi không tách chi tiết các khoản chi phí có liên quan tương ứng với doanh thu. Do đó số liệu Doanh thu và chi phí tương ứng được ghi nhận theo số liệu của Đơn vị.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sao Mai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2026

### **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**

**Giám đốc**



**LÊ NHẬT LINH**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 3234-2026-107-1

**Kiểm toán viên**

**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 4291-2023-107-1

754  
H  
Y  
T  
V

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.851.688.162</b>	<b>25.524.279.380</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>21.472.582.394</b>	<b>15.283.081.134</b>
1.	Tiền	111		11.885.399.372	6.109.275.484
2.	Các khoản tương đương tiền	112		9.587.183.022	9.173.805.650
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.312.630.760</b>	<b>4.998.968.456</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	3.987.396.701	4.342.567.965
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.000.000	47.500.000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	295.234.059	608.900.491
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.893.464.517</b>	<b>5.089.150.427</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	2.893.464.517	5.089.150.427
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>173.010.491</b>	<b>153.079.363</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	173.010.491	153.079.363
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.510.805.352</b>	<b>6.385.997.640</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.396.950.475</b>	<b>6.313.230.294</b>
	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	5.396.950.475	6.313.230.294
	Nguyên giá	222		46.828.092.097	46.777.945.809
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.431.141.622)	(40.464.715.515)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>113.854.877</b>	<b>72.767.346</b>
	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	113.854.877	72.767.346
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>34.362.493.514</b>	<b>31.910.277.020</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.173.298.817</b>	<b>21.680.109.643</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.173.298.817</b>	<b>21.680.109.643</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	776.078.625	953.134.336
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	300.772.099	156.888.199
4. Phải trả người lao động	314	V.10	8.815.497.166	7.429.115.211
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	84.457.967	63.515.044
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	10.471.302.685	10.422.753.083
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	3.725.190.275	2.654.703.770
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.189.194.697</b>	<b>10.230.167.377</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>10.189.194.697</b>	<b>10.230.167.377</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	3.920.600.000	3.920.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.920.600.000	3.920.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	2.605.157.816	2.533.160.943
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.14	2.209.518.208	2.096.093.145
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	1.453.918.673	1.680.313.289
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.453.918.673	1.680.313.289
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>34.362.493.514</b>	<b>31.910.277.020</b>

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

**HUỲNH HỒ BÍCH TRÂM**

Kế toán trưởng

**LẠI THỊ MỸ LINH**

Tổng Giám đốc



**LÊ MINH THUẬN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	66.163.737.819	68.604.514.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	66.163.737.819	68.604.514.779
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	57.792.335.535	59.787.666.729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.371.402.284	8.816.848.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	772.959.554	720.954.972
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	41.124.505	151.796.118
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.684.682.985	1.726.146.804
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	5.876.726.844	5.883.414.075
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.541.827.504	1.776.446.025
11. Thu nhập khác	31	VI.07	308.259.298	383.866.016
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.710.768	11.116.235
13. Lợi nhuận khác	40		306.548.530	372.749.781
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.848.376.034	2.149.195.806
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	394.457.361	468.882.517
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.453.918.673	1.680.313.289
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.038	1.200

Người lập biểu

HUỖNH HỒ BÍCH TRÂM

Kế toán trưởng

LẠI THỊ MỸ LINH

Đồng Thành, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



LÊ MINH THUẬN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.848.376.034	2.149.195.806
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.06	1.034.607.925	1.081.281.971
- Lãi, lỗ chênh lệch TGHD do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		17.086.562	(29.860.944)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.03	(257.424.533)	(234.202.470)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.642.645.988	2.966.414.363
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		922.784.956	(778.596.057)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.195.685.910	1.232.886.595
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.287.816.114	1.356.014.861
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(61.018.659)	(188.346.709)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.09	(355.437.230)	(348.137.781)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(25.914.000)	(751.462.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</b>	20		<b>6.606.563.079</b>	<b>3.488.772.522</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	V.06	(118.328.106)	(139.747.948)
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		20.761.340	18.574.192
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT</b>	30		<b>(97.566.766)</b>	<b>(121.173.756)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(302.624.424)	(236.376.069)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC</b>	40		<b>(302.624.424)</b>	<b>(236.376.069)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>6.206.371.889</b>	<b>3.131.222.697</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	15.283.081.134	12.125.702.721
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi NT	61		(16.870.629)	26.155.716
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.01	<b>21.472.582.394</b>	<b>15.283.081.134</b>

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HUỲNH HỒ BÍCH TRÂM

LẠI THỊ MỸ LINH

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 03 năm 2026  
**Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**SAO MAI**  
 TR. CAO LÂM, T. ĐỒNG THÁP  
 LE MINH THUẬN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp may trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Tháp được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 04/GP/UB ngày 05 tháng 01 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 059372 ngày 11 tháng 01 năm 1993 do Trọng tài kinh tế Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101043 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp (Hiện nay là Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp) cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mười ba (13) lần được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ mười ba (13) gần nhất vào ngày 30 tháng 07 năm 2025 về việc thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	3.920.600.000 VND
Mệnh giá cổ phần	10.000 VND
Tổng số cổ phần	392.060 cổ phần

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 163 Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Điện thoại : (84 - 277) 3 851 452

Fax : (84 - 277) 3 851 482

Mã số thuế : 1400101043

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Mai - Xưởng may Sa Đéc	Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Xã Tân Dương, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Mai - Xưởng may Tháp Mười	Áp 5, xã Mỹ Đông, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hạch toán phụ thuộc.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- May trang phục, may công nghiệp;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm: Giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng gia đình bằng kim loại;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất dệt vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng đan móc;

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Mua bán phụ liệu ngành dệt;
- Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế ngành dệt may;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

**5. Người lao động**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có khoảng 480 người lao động đang làm việc (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoảng 495 người lao động đang làm việc).

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

**Tiền:** Bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

**5. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kế khai thường xuyên.

**6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

**Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình:** Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 12
Tài sản cố định khác	08 - 10

**7. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## **8. Đầu tư tài chính**

### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại kỳ phiếu, tín phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất-định trong tương lai; các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên cơ sở dự thu. Thu nhập lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản đầu tư khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

## **9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

## **11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: Chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá;
- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## **12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào (đối với tài sản) và tỷ giá bán ra (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Khi cung cấp dịch vụ doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ khi đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành trên thu nhập chịu thuế. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là 20% trên thu nhập chịu thuế theo Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 (năm 2024 thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**15. Các bên liên quan**

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, thành viên quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	92.420.215	202.836.386
Tiền gửi ngân hàng	11.792.979.157	5.906.439.098
Các khoản tương đương tiền (*)	9.587.183.022	9.173.805.650
<b>Cộng</b>	<b><u>21.472.582.394</u></b>	<b><u>15.283.081.134</u></b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Dệt Gia dụng Phong Phú	156.828.820	187.311.485
Công ty TNHH KWong Lung MEKO	824.574.038	1.203.877.744
Công ty Cổ phần SX và TM Việt Mỹ Đồng Nai	-	337.301.030
Jao GMT Co.,Ltd	1.136.725.375	821.023.892
Jao Project Co.,Ltd	1.580.547.310	1.791.558.955
Công ty TNHH Việt Wicker	287.177.400	-
Các khách hàng khác	1.543.758	1.494.859
<b>Cộng</b>	<b><u>3.987.396.701</u></b>	<b><u>4.342.567.965</u></b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	43.885.684	357.788.635
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	247.447.745	243.629.060
Các đối tượng khác	3.900.630	7.482.796
<b>Cộng</b>	<b><u>295.234.059</u></b>	<b><u>608.900.491</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**4. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	199.274.634	286.473.345
Công cụ, dụng cụ	16.912.234	21.184.070
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	<u>2.677.277.649</u>	<u>4.781.493.012</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.893.464.517</u></b>	<b><u>5.089.150.427</u></b>

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tiền thuê đất	-	1.193.841.634	(1.193.841.634)	-
Tiền thuê văn phòng, thuê xưởng	37.500.000	198.000.000	(235.500.000)	-
Công cụ, dụng cụ	22.162.502	187.970.556	(145.644.514)	64.488.544
Chi phí khác	93.416.861	371.084.056	(355.978.970)	108.521.947
<b>Cộng</b>	<b><u>153.079.363</u></b>	<b><u>1.950.896.246</u></b>	<b><u>(1.930.965.118)</u></b>	<b><u>173.010.491</u></b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	18.689.720.613	24.100.362.814	2.104.081.988	43.632.000	1.840.148.394	46.777.945.809
Tăng trong năm	118.328.106	-	-	-	-	118.328.106
<i>Xây dựng cơ bản</i>	<i>118.328.106</i>	-	-	-	-	<i>118.328.106</i>
Giảm trong năm	(68.181.818)	-	-	-	-	(68.181.818)
<i>Thanh lý</i>	<i>(68.181.818)</i>	-	-	-	-	<i>(68.181.818)</i>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>18.739.866.901</u></b>	<b><u>24.100.362.814</u></b>	<b><u>2.104.081.988</u></b>	<b><u>43.632.000</u></b>	<b><u>1.840.148.394</u></b>	<b><u>46.828.092.097</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	9.974.635.422	18.697.160.982	2.104.081.988	43.632.000	1.635.589.734	32.455.100.126
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	14.397.039.558	22.222.539.344	2.104.081.988	43.632.000	1.697.422.625	40.464.715.515
Tăng trong năm	417.662.063	547.280.208	-	-	69.665.654	1.034.607.925
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>417.662.063</i>	<i>547.280.208</i>	-	-	<i>69.665.654</i>	<i>1.034.607.925</i>
Giảm trong năm	(68.181.818)	-	-	-	-	(68.181.818)
<i>Thanh lý</i>	<i>(68.181.818)</i>	-	-	-	-	<i>(68.181.818)</i>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>14.746.519.803</u></b>	<b><u>22.769.819.552</u></b>	<b><u>2.104.081.988</u></b>	<b><u>43.632.000</u></b>	<b><u>1.767.088.279</u></b>	<b><u>41.431.141.622</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	4.292.681.055	1.877.823.470	-	-	142.725.769	6.313.230.294
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.993.347.098</u></b>	<b><u>1.330.543.262</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>73.060.115</u></b>	<b><u>5.396.950.475</u></b>

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	18.755.000	-	(11.253.000)	7.502.000
Chi phí khác	54.012.346	87.962.963	(35.622.432)	106.352.877
<b>Cộng</b>	<b><u>72.767.346</u></b>	<b><u>87.962.963</u></b>	<b><u>(46.875.432)</u></b>	<b><u>113.854.877</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hữu Kim	74.313.072	87.654.096
Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ	55.874.016	40.722.480
Công ty TNHH May mặc Như Ý Sa Đéc	146.218.332	231.573.341
Công ty TNHH LK Ngành may Song Anh Phát	-	41.768.520
Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam	-	22.921.920
Hộ kinh doanh Quần áo Minh Anh	336.779.678	399.207.025
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp TAC	48.790.080	-
Nhà cung cấp khác	114.103.447	129.286.954
<b>Cộng</b>	<b>776.078.625</b>	<b>953.134.336</b>

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	52.315.749	980.422.294	(898.200.882)	134.537.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	97.992.856	409.593.664	(355.437.230)	152.149.290
Thuế thu nhập cá nhân	6.579.594	130.322.184	(122.816.130)	14.085.648
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	685.547.052	(685.547.052)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Các khoản phải nộp khác	-	32.809.431	(32.809.431)	-
<b>Cộng</b>	<b>156.888.199</b>	<b>2.243.694.625</b>	<b>(2.099.810.725)</b>	<b>300.772.099</b>

(\*) Thuế TNDN phải nộp trong năm chi tiết bao gồm:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	394.017.361
- Chi phí thuế TNDN bổ sung năm 2024	440.000
- Thuế TNDN phải nộp bổ sung năm 2023	1.370.370
- Thuế TNDN truy nộp các năm trước (năm 2020-2022)	13.765.933
<b>Cộng</b>	<b>409.593.664</b>

**+ Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng tiêu thụ nội địa	10%
- Hàng thủ công mỹ nghệ	5%
- Hàng xuất khẩu	0%

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa (chịu thuế 10% trước đó) theo các quy định hiện hành.

**+ Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh IV.14.

Dự tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (Xem Thuyết minh VI.09).

**+ Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

**10. Phải trả người lao động**

Tiền lương năm 2025 còn phải thanh toán cho người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí điện sản xuất	83.903.561	63.515.044
Chi phí phải trả khác	554.406	-
<b>Cộng</b>	<b>84.457.967</b>	<b>63.515.044</b>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp (trước đây là Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp) (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức phải trả	358.271.693	324.833.459
Nhận ký cược, ký quỹ	12.000.000	12.000.000
Các khoản phải trả khác	101.030.992	85.919.624
<b>Cộng</b>	<b>10.471.302.685</b>	<b>10.422.753.083</b>

(\*) Đây là số tiền đã được chấp nhận giảm 50% từ khoản nợ phải trả cho Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp 20.000.000.000 VND theo Công văn số 592/UBND-PPLT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 18 tháng 12 năm 2008 trên cơ sở đề xin giảm nợ cho Công ty Cổ phần Sao Mai của Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp tại Công văn số 684/TT-Cty ngày 23 tháng 9 năm 2008 và ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp tại Công văn số 1795/STC-TCDN ngày 23 tháng 10 năm 2008.

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

**13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.460.419.757	806.550.379	(4.914.000)	2.262.056.136
Quỹ phúc lợi	1.194.284.013	268.850.126	-	1.463.134.139
<b>Cộng</b>	<b>2.654.703.770</b>	<b>1.075.400.505</b>	<b>(4.914.000)</b>	<b>3.725.190.275</b>

**14. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.920.600.000</b>	<b>2.533.160.943</b>	<b>2.096.093.145</b>	<b>1.680.313.289</b>	<b>10.230.167.377</b>
Lãi trong năm	-	-	-	1.453.918.673	1.453.918.673
Trích lập quỹ trong năm	-	134.425.063	134.425.063	(1.344.250.631)	(1.075.400.505)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(336.062.658)	(336.062.658)
Giảm khác	-	(62.428.190)	(21.000.000)	-	(83.428.190)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.920.600.000</b>	<b>2.605.157.816</b>	<b>2.209.518.208</b>	<b>1.453.918.673</b>	<b>10.189.194.697</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Đồng Tháp	350.000	89,27	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	39.000	9,95	390.000.000
Công đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Sao Mai	3.060	0,78	30.600.000
<b>Cộng</b>	<b>392.060</b>	<b>100,00</b>	<b>3.920.600.000</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	392.060	392.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	392.060	392.060
- Cổ phiếu phổ thông	392.060	392.060
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	392.060	392.060
- Cổ phiếu phổ thông	392.060	392.060
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000 VND/cổ phần

**15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**a. Tài sản nhận giữ hộ**

**Vật tư hàng hóa gia công**

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nguyên liệu</b>			
Vải somi + vải phôi	yard	439.545,87	499.107,94
Vải thun + thun lưới	yard	13.763,51	-
Vải lót các loại	mét	-	10.506,00
Dụng	yard	70.653,84	108.326,00
Vải chính jk + phôi áo gió	mét	5.238,60	-
Đầu khúc	kg	637,00	-
<b>Phụ liệu, Bao bì</b>			
Chỉ 5000m	cuộn	2.459,00	5.209,00
Dây luồn /dệt	mét	3.193,00	8.395,00
Dây treo, dây đệm vai	sợi	14.738,00	23.297,00
Viền thun	mét	3.278,00	13.791,00
Thun các loại	mét	1.944,00	-
Dây kéo các loại	sợi	44.847,00	55.279,00
Gắn đầu dây kéo	chiếc	2.147,00	18.555,00
Cúc các loại	chiếc	1.137.063,00	1.547.840,00
Đệm khoen	chiếc	-	6.060,00
Khoen mắt cáo	bộ	23.303,00	26.989,00
Vải viền	mét	-	10.353,00
Dây thun buộc móc	chiếc	289,00	-
Giấy lụa	chiếc	108.388,00	-
Đạn nhựa (râu mèo)	chiếc	258.738,00	314.464,00
Bao PP/phối/mini	chiếc	278.030,00	245.616,00

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Bơ cổ	chiếc	-	4.367,00
Băng keo	cuộn	7,00	18,00
Móc khóa	chiếc	824,00	9.945,00
Bìa lưng	chiếc	87.470,00	40.325,00
Giấy chống ẩm	tờ	-	90.385,00
Nhãn các loại (giấy + vải)	chiếc	1.121.651,00	714.603,00
Thẻ bài	chiếc	265.532,00	611.060,00
Thuốc chống ẩm	túi	55.072,00	83.583,00
Bướm cổ/ khoanh cổ	chiếc	127.645,00	68.756,00
Kim cúc	chiếc	-	741.819,00
Palem	chiếc	671.601,00	304.281,00
Thùng	chiếc	69,00	2.208,00
Lót thùng	Tấm	138,00	1.106,00
Xốp dính	mét	71.808,00	55.219,00
Xốp dính	chiếc	-	2.174,00
Kẹp nhựa	chiếc	277.920,00	140.355,00
Vòng chữ U	chiếc	1.300,00	-

**b. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Quy đổi VND	Nguyên tệ	Quy đổi VND
Dollar Mỹ (USD)	368.367,90	9.605.929.728	206.494,58	5.214.194.640
Đồng EURO (EUR)	315,85	9.585.732	314,91	8.223.245

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	66.163.737.819	68.604.514.779
- Doanh thu gia công hàng may mặc	63.684.935.457	63.541.410.000
- Doanh thu gia công hàng thủ công mỹ nghệ	2.478.802.362	5.063.104.779
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>66.163.737.819</b>	<b>68.604.514.779</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn gia công hàng may mặc	54.741.347.768	54.937.866.265
Giá vốn gia công hàng thủ công mỹ nghệ	3.050.987.767	4.849.800.464
<b>Cộng</b>	<b>57.792.335.535</b>	<b>59.787.666.729</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	257.424.533	238.033.881
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	515.535.021	453.060.147
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	29.860.944
<b>Cộng</b>	<b>772.959.554</b>	<b>720.954.972</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.037.943	151.796.118
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.086.562	-
<b>Cộng</b>	<b><u>41.124.505</u></b>	<b><u>151.796.118</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.513.472.850	1.616.595.812
Chi phí khác	171.210.135	109.550.992
<b>Cộng</b>	<b><u>1.684.682.985</u></b>	<b><u>1.726.146.804</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.036.887.088	3.996.861.356
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.233.935	59.119.053
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.540.664	36.847.893
Thuê, phí và lệ phí	14.061.818	117.051.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	853.579.679	690.553.434
Chi phí khác	883.423.660	982.980.656
<b>Cộng</b>	<b><u>5.876.726.844</u></b>	<b><u>5.883.414.075</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý phế liệu	-	375.123.423
Thu bồi thường, hỗ trợ	308.259.298	-
Các khoản thu khác	-	8.742.593
<b>Cộng</b>	<b><u>308.259.298</u></b>	<b><u>383.866.016</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	-
Phạt truy thu thuế, hành chính	235.246	8.183.210
Chi phí khác	1.475.522	2.933.025
<b>Cộng</b>	<b><u>1.710.768</u></b>	<b><u>11.116.235</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.848.376.034	2.149.195.806
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	121.710.768	125.116.235
- Các khoản điều chỉnh tăng	121.710.768	125.116.235
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b><u>1.970.086.802</u></b>	<b><u>2.274.312.041</u></b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b><u>394.017.361</u></b>	<b><u>454.862.408</u></b>
Thuế TNDN truy nộp các năm trước	440.000	14.020.109
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>394.457.361</u></b>	<b><u>468.882.517</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.453.918.673	1.680.313.289
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.046.821.444)	(1.209.825.568)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, an sinh xã hội (*)</i>	(1.046.821.444)	(1.209.825.568)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	407.097.229	470.487.721
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	392.060	392.060
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.038</b>	<b>1.200</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và an sinh xã hội năm nay được tạm trích với tỷ lệ tương ứng năm trước theo Nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 05 tháng 05 năm 2025.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	392.060	392.060
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>392.060</b>	<b>392.060</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.100.815.961	10.807.652.078
Chi phí nhân công	42.540.240.914	42.814.115.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	947.198.151	1.081.281.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.383.220.028	6.629.902.879
Các chi phí khác	5.278.054.947	4.902.205.929
<b>Cộng</b>	<b>63.249.530.001</b>	<b>66.235.158.620</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm không có phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

*Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao HĐQT	168.000.000	192.000.000
Tiền lương, phụ cấp	378.734.808	393.013.423
<b>Cộng</b>	<b>546.734.808</b>	<b>585.013.423</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ bao gồm Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Đồng Tháp - Công ty mẹ.

Trong năm Công ty có phát giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chùa cổ tức	300.003.135	234.328.614

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn nợ phải thu, phải trả với bên liên quan khác.

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã kiểm toán.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu

**HUỲNH HỒ BÍCH TRÂM**

Kế toán trưởng

**LẠI THỊ MỸ LINH**

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



**LÊ MINH THUẬN**

CHỖ ĐÓNG CHỮ

---

\* **VĂN PHÒNG TP.HCM:** 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Tel : (84-028) 3526 1357 - 3526 1358 \* Email : [svc-hcm@vnn.vn](mailto:svc-hcm@vnn.vn) \* Website: [saovietaudit.com](http://saovietaudit.com)

\* **VĂN PHÒNG CN TP.HCM:** 366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh  
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 \* Email : [saoviet1011@vnn.vn](mailto:saoviet1011@vnn.vn)

\* **VĂN PHÒNG CN CẦN THƠ:** F66, Đường Lê Trọng Tấn, Khu vực 2, P.Hung Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ  
Tel : (0292) 3765 999 \* Email : [svc-ct@vnn.vn](mailto:svc-ct@vnn.vn)

\* **VĂN PHÒNG CN BÌNH DƯƠNG:** 117 Trần Phú, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Tel: 0942 227 772 \* Email : [csaovietbinhduong@gmail.com](mailto:csaovietbinhduong@gmail.com)

---

\* **OFFICE HCM CITY:** 386/51 Lê Văn Sỹ, Ward 14, District 3, Ho Chi Minh City  
Tel : (84-028) 3526 1357 - 3526 1358 \* Website: [saovietaudit.com](http://saovietaudit.com) \* Email : [svc-hcm@vnn.vn](mailto:svc-hcm@vnn.vn)

\* **BRANCH OFFICE HCM CITY:** 366/7A Chu Văn An, Ward 12, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 \* Email : [saoviet1011@vnn.vn](mailto:saoviet1011@vnn.vn)

\* **BRANCH OFFICE CAN THO CITY:** F66, Le Trong Tan, Area 2, Hung Thanh Ward, Cai Rang District, Can Tho City  
Tel : (0292) 3765 999 \* Email : [svc-ct@vnn.vn](mailto:svc-ct@vnn.vn)

\* **BRANCH OFFICE BINH DUONG CITY:** 117 Tran Phu, Ward Chanh Nghia, Thu Dau Mot City, Binh Duong, Vietnam  
Tel : 0942 227 772 \* Email : [csaovietbinhduong@gmail.com](mailto:csaovietbinhduong@gmail.com)